

THƯỜNG THỨC TÔN GIÁO

Biểu tượng "Vạn" của Phật giáo Việt Nam

NGUYỄN VĂN THOÀN^(*)

Đ Phật giáo Nguyên thủy là tập hợp các lời thuyết về giải thoát rốt ráo của Đức Phật tổ. Thời còn tại thế, Đức Phật không cho phép tạc tượng hoặc vẽ tranh về Ngài. Vâng lời huấn thị của Thầy, nên suốt một khoảng thời gian khá dài (khoảng 500 năm) các môn đồ của Ngài không dám chế tác hình tượng Phật. Đồng thời, tín đồ Phật giáo đương thời cũng cho rằng Phật là đáng toàn giác, trí tuệ, nhân cách, đạo đức và các phương diện khác của Ngài đều là hoàn mỹ, do đó không thể lấy hình tượng người bình thường để biểu hiện hình thể và dung mạo của Đức Phật được. Sau này, tư tưởng Phật giáo Đại Thừa phát triển đã ảnh hưởng to lớn cho việc ra đời hình tượng Phật. Tư tưởng Đại Thừa cho rằng, khi hành giả tu tập, chỉ cần bài trí hình tượng của Phật, nhất tâm quán tưởng về sự trang nghiêm vĩ đại của Phật thì Pháp thân của Phật sẽ vĩnh viễn ở bên mình. Và tư tưởng này cũng nói rằng tạo tượng Phật có công đức rất to lớn, có thể được phúc báu vô cùng. Đồng thời, đương thời, phần lớn Phật giáo đồ cũng cảm thấy rằng chỉ có hình tượng Phật mới biểu hiện được đầy đủ về cuộc đời Ngài. Vì vậy, Phật giáo đồ Đại Thừa bắt đầu chế tác ra tượng Phật, đáp ứng nhu cầu thờ

phụng Đức Phật. Khi nhu cầu đó gặp những làn sóng ảnh hưởng của nghệ thuật điêu khắc của Hy Lạp (thông qua nền nghệ thuật Gandhara), tượng Đức Phật như hình người có thể xuất hiện vào khoảng thế kỉ I ở Ấn Độ.

Suốt ngàn ấy thời gian, dù dưới ảnh hưởng của tư tưởng truyền thống “Phật tượng bất khả hiển hiện” nhưng để tỏ lòng tôn kính và nhớ tới ân đức bậc Thầy cao cả đã khai sáng con đường giải thoát cho tất cả nhân sinh, các tín đồ Phật giáo đã tạo nên những biểu tượng, kỉ vật liên quan mật thiết đến Đức Phật lúc còn tại thế để phụng thờ. Mỗi biểu tượng đều chất chứa một ý nghĩa thiêng liêng về Đức Phật, như dùng dấu chân Phật để biểu hiện sự tồn tại của Phật; dùng biểu tượng (卐) biểu hiện thụ tướng tốt lành, trang nghiêm; lấy cây Bồ Đề làm chứng nhân cho sự tu hành chứng đắc và tượng trưng cho trí tuệ của Đức Phật; dùng khoảng trống để biểu thị sự tồn tại trong không gian của Phật; dùng Pháp luân xa biểu trưng cho sự thuyết pháp; dùng hoa sen để biểu hiện về cuộc đời của Phật Thích Ca; dùng tháp (stupa) là biểu

*. Học viên cao học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Tp. Hồ Chí Minh.

tượng có ý nghĩa thiêng liêng nhất, đại biểu cho sự nhập Niết Bàn và là nơi cất giữ xá lợi của Phật Thích Ca. Dần dần, những biểu tượng này trở thành đối tượng linh thiêng trong tâm thức của mọi tín đồ Phật giáo. Nó không thể thiếu được ngay cả khi đã có hình tượng Phật giáo rồi.

Trong bài viết này, chúng tôi xin đề cập đến biểu tượng chữ Vạn, một biểu tượng còn có nhiều sự tranh cãi và nhầm lẫn cả về cách gọi cũng như về hình dạng. Tới nay đã có một số bài viết khá công phu về chữ Vạn nhưng chúng tôi cảm thấy hình như vẫn chưa giải thích tương đối thỏa đáng hiện tượng ở Việt Nam dùng chữ Vạn khác với nhiều nước theo Phật giáo khác, mà chỉ cho rằng Việt Nam dùng sai. Do vậy, chúng tôi cho rằng cần rà soát lại một số cứ liệu và đưa ra lời giải khả dĩ có thể chấp nhận.

1. Nguồn gốc chữ Vạn 卐

Hình chữ Vạn vốn là biểu tượng dùng để biểu thị tính chất tốt lành của dân tộc Ấn Độ cổ đại nói riêng và của cả chủng người Aryan nói chung. Nó xuất hiện ở Ba Tư, Hy Lạp... cổ đại. Đó là một hình vẽ có từ thời xa xưa, thời tồn tại tín ngưỡng Bái vật giáo. Trong tư tưởng của người phương Đông cổ đại kí hiệu chữ *thập* tượng trưng cho mặt trời và tia lửa, biểu ý tập trung rực rỡ kiết tường.

Do mang ý nghĩa phổ biến là dấu hiệu của sự kiết tường và viên mãn nên nhiều tôn giáo cổ đại của Ấn Độ như là Bà la môn giáo, Kỳ na giáo, v.v... đều sử dụng biểu tượng này là thụy tướng cho các vị thần của mình, về sau Phật giáo cũng lấy biểu tượng này làm thụy tướng cho Đức Phật. Có nghĩa là trước khi Phật giáo ra đời thì đã có sự diện hiện của biểu tượng này.

Những tín đồ Bà la môn giáo xem biểu tượng chữ Vạn là chòm lông xoáy ở trước ngực của thần Visnu và Krisna, là một trong những tướng tốt của các vị thần. Theo công trình nghiên cứu của tiến sĩ Quang Đảo Đốc ở trường Đại học Quốc Sĩ Quán (Nhật Bản) thì chữ Vạn được người Bà la môn giáo ghi chép từ thế kỉ VIII trước Công nguyên, cho là thụy tướng biến hiện trước lồng ngực của Thần Visnu. Đến thế kỉ III trước Công nguyên thì kinh Phật mới được ghi chép trên lá bối. Như ta đã biết văn hóa Ấn Độ (Bà la môn giáo) rất xem trọng con bò vì thế họ cho rằng biểu tượng Vạn vốn là tướng lông xoắn ốc trên đầu bò, về sau biến thành tướng lông xoắn trước ngực thần Visnu và sau này được xem là một trong 6 tướng đại nhân, rồi sau nữa mới trở thành 1 trong 32 tướng đại nhân⁽¹⁾.

Nhà sư tập cổ vật James Churchward khẳng định chữ Vạn chỉ là biến thể của chữ Thập (+) tượng trưng cho “Tứ Đại Nguyên Động Lực” (nước, gió, lửa, khí). Chữ Thập và chữ Vạn cũng như thạch trụ là những vật biểu tượng có tính chất tôn giáo được tôn thờ từ lục địa MU, được truyền sang bờ Tây Thái Bình Dương, Nepal, Ấn Độ, sang Ba Tư, tới Luông Hà, Ai Cập, Hy Lạp, v.v... MU được xem như miền đất Mẹ của nhân loại mà từ đó xuất phát mọi nền văn minh cổ nhất thế giới. MU thờ Mặt Trời nên tất cả các dân tộc nào trên thế giới thờ Mặt Trời đều chịu ảnh hưởng của nền tôn giáo nguyên thủy của MU. Cũng theo cách phân tích của James Churchward thì chữ Vạn nguyên thủy ở xứ MU và người

1. Hòa thượng Thích Thánh Nghiêm. *Phật học quân nghi*, Nxb. Tôn giáo, tr. 327.

Naacal có bốn cánh xoay về hướng Đông giống như chữ Vạn 卐 của Phật giáo Việt Nam. Ông cũng nói rằng, sự đổi hướng xoay của chữ Vạn xảy ra từ lúc nào ông cũng không hiểu rõ, chỉ thấy trên hoa văn một lọ chum đựng hài cốt tìm được ở ý, có niên đại vào thời Đông khí, có cả hai chữ Vạn ngược chiều nhau⁽²⁾. Như vậy, theo ông chiều xoay khởi thủy của chữ Vạn là xoay về hướng Đông (卐), còn chữ Vạn nào xoay về hướng Tây (卐) thì đó là sự đổi hướng về sau.

Tóm lại, nguồn gốc xuất hiện đích thực của chữ Vạn thì vẫn còn là câu hỏi nan giải cho những nhà nghiên cứu khoa học nào quan tâm. Mặc dù có nhiều luận thuyết về chữ Vạn nhưng đều không đồng nhất với nhau về nguồn gốc của nó là thuộc dân tộc nào hay tôn giáo nào. Tuy nhiên, các luận thuyết đó có một điểm chung là cho rằng biểu tượng Vạn là có liên quan mật thiết với tín ngưỡng thờ Mặt Trời của tất cả các dân tộc trên thế giới.

2. Ý nghĩa của biểu tượng chữ Vạn 卐

Chữ Vạn nguyên tiếng Phạn là Swastika được phiên âm là “thất - lợi - bạt - tha” và dịch nghĩa là “Cát tường hải vân” (vàng mây lành trên biển) hay “cát tường hỉ triền” (vòng xoay tốt lành).

Theo quan niệm của người Ấn Độ, phàm những ai có chân mạng trở thành những bậc Chuyển Luân Thánh Vương, các vị Phạm Thiên Vương và các bậc hiền nhân có thể xoay chuyển càn khôn mang lại hạnh phúc cho thiên hạ đều có 32 tướng tốt ngay khi còn tẩm. Có lẽ xuất phát từ quan niệm này mà người Ấn Độ có tục xem tướng cho trẻ vào những ngày đầu đời, để đoán định vận mệnh tương lai cho bé.

Đức Phật là Thánh vương trong các Pháp, đương nhiên cũng có 32 tướng tốt. Theo kinh *Trường A Hàm*, quyển thứ nhất viết rằng, chữ Phạm là tướng đại nhân, nằm trước ngực của Đức Phật. Còn trong *Tát Giá Ni Kiên Tử Sở Thuyết Kinh*, quyển 6 nói đó là tướng tốt thứ 80 của Phật Thích Ca. Kinh *Thập Địa Luận*, quyển 12 nói Bồ Tát Thích Ca lúc chưa thành Phật trước ngực đã có tướng chữ Vạn, công đức trang nghiêm kim cương. Trong kinh *Phương Quảng Đại Trang Nghiêm*, quyển 3 nói, tóc của Đức Phật cũng có 5 tướng chữ Vạn. Trong kinh *Hữu Bộ Tì Nại Da Tap Sự*, quyển 29 nói, Phật ở giữa hông cũng có tướng chữ Vạn. Còn trong kinh *Đại Bát Nhã*, quyển 381 nói tay, chân và trước ngực của Ngài đều có tướng kiết tường hỉ toàn để biểu thị công đức⁽³⁾.

Như vậy, tất cả các kinh trên đều nói rằng chữ Vạn không phải là văn tự mà là biểu tượng chỉ sự kiết tường, biểu trưng cho công đức vô lượng, lòng từ bi vô hạn và trí tuệ vô biên của Đức Phật.

Ngoài ra, trong bản kinh *Hoa Nghiêm tân dịch* có nhiều chỗ nói về tướng chữ Vạn, kinh viết: “Ngực của Đức Như Lai có tướng bậc đại nhân, hình thù như chữ Vạn, gọi là “cát tường hải vân”. Túc ở đây nói đến chòm lông trước ngực xoay tròn giống như vàng mây lành trên biển. Đoạn khác viết: “Tóc của Phật xoay về phía bên phải, đượm nhuần trong sáng, biểu tượng hình chữ Vạn”. Bởi tướng lông tóc xoay về bên phải của Phật tạo thành nét đẹp khiến cho người xem sinh tâm hoan hỉ nên Đức Phật cũng “nguyện cho tất cả chúng sanh có tóc xoay về bên phải giống

2. 3. Hòa thượng Thích Thánh Nghiêm, Sdd., tr. 323.

như hình chữ Vạn”. Ngài không chỉ nguyện cho chúng sanh có tướng tốt của tóc mà còn “nguyện cho tất cả chúng sanh có bàn tay hình bánh xe, các đốt tay đầy đặn các đường chỉ xoay về bên phải. Nguyện cho tất cả chúng sanh có những ngón tay như búp sen hình chữ Vạn”⁽⁴⁾.

Như vậy, các đoạn kinh trên đều cho rằng tướng chữ Vạn là biểu trưng của mọi sự tốt lành có khắp thân của Đức Phật. Nhưng người Ấn Độ thường chỉ khắc chữ “vạn” (swastika) lên ngực tượng Phật, coi như dấu hiệu tối thượng của sự toàn diện, toàn mỹ.

Trong *Từ điển Danh từ Phật học Trung Quốc*⁽⁵⁾ cũng nói: Chữ Swastika chỉ chòm lông xoắn ốc trên ngực của Thần Visnu hay biểu hiện của Thần Visnu, có nghĩa là “hải vân”, được biểu trưng bằng chữ Vạn, xoay về bên phải. Nó là biểu tượng tốt lành trên dấu chân của Phật, và cũng là biểu hiện của bậc Đại nhân đời xưa. Đồng thời nó còn tượng trưng cho mặt trời, biểu hiện ra mọi quyền uy vượt thắng cái ác⁽⁶⁾.

Như vậy, qua những dẫn chứng trên, chúng ta thấy rằng kí hiệu 卐 vốn là một loại biểu tượng để chỉ tướng tốt và vẻ đẹp của Đức Phật cũng như những vị thần của đạo Bàlamôn cũng như những bậc đại nhân. Đó là kí hiệu của sự cát tường, chứ không phải là chữ viết, nhưng vì xưa nay chúng ta thường đọc là chữ Vạn nên lâu ngày trở thành thói quen.

Thói quen này có lẽ bắt nguồn từ sau khi Phật giáo truyền vào Trung Quốc. Vào khoảng thế kỉ VI, VII sau Công nguyên, các nhà tạc tượng Trung Quốc đem áp dụng hình này làm trang sức trên ngực tượng Đức Thế Tôn, biểu trưng cho

thụy tướng của Đức Phật. Nhưng phải dịch biểu tượng này như thế nào thì vẫn là điều khiến cho các nhà dịch thuật Phật giáo đau đầu. Ta thấy một số quan điểm thuyết minh như sau: Các dịch giả như Cưu Ma La Thập thời Diêu Tần và ngài Tam Tạng Huyền Trang đời Đường đều dịch là chữ “Đức”, và thời Bắc Ngụy, ngài Bồ Đề Lưu Chi thì dịch là chữ “Vạn” hàm nghĩa là “công đức viên mãn”. Như vậy, hình trang sức 卐 này chứa ý niệm “Tướng” hơn là “Tự” (chữ), vì vậy, chúng ta có thể coi đó là “kiết tường hải vân tướng” hoặc “công đức viên mãn tướng”. Đó là một trong 32 tướng tốt của Đức Phật. Mặc dù vậy, cho tới ngày nay người ta vẫn quen gọi tướng 卐 là chữ Vạn, sự thông tục này bắt nguồn từ năm Trường Thọ thứ hai dưới triều Võ Hậu Tắc Thiên (693 sau Công nguyên) đời Đường. Bà đã chiếu chỉ khâm định dấu Tây lịch 卐 đọc là chữ Vạn dùng làm biểu ý cho sự tập hợp của “Vạn đức kiết tường”, và 卐 quay về bên phải là đúng còn 卐 quay về bên trái là sai. Đến nay quan điểm này trở thành truyền thống của cách gọi trong quảng đại quần chúng của một số nước có hấp thu nền văn hóa Trung Hoa, trong đó có Việt Nam. Có điều chúng tôi thắc mắc là bà Võ Hậu căn cứ vào đâu mà khâm định hình từ tướng của sự kiết tường trở thành một loại văn tự - chữ Vạn nhưng vẫn với biểu ý là sự kiết tường. Chúng tôi biết rằng, về mặt từ nguyên học thì chữ “Vạn” Trung Quốc không liên quan gì đến

4. Thích Phước Sơn. *ý nghĩa biểu trưng của chữ Vạn*. Giác Ngộ, số 163, 5/1999, tr. 52-53.

5. *A Dictionary of Chinese Buddhist terms*, William Edward Soothill, Lander, 1937, tr. 203, 412.

6. Pháp Như Lí Lược Tam. *Về chữ Vạn trước ngực tượng Phật*, Nguyệt san Giác Ngộ số 15, 1997., tr. 27 – 28.

hình 卐, mà nghĩa gốc của chữ “Vạn” là con bò cạp⁽⁷⁾.

3. Chiều xoay của biểu tượng vạn

Vấn đề được nhiều người ta quan tâm và thường xảy ra tranh luận là chiều xoay của tướng Vạn, xoay về bên phải (卐) là đúng hay xoay về bên trái mới đúng (卍). Vấn đề này thật sự được nói đến có lẽ là vào thập niên 40 thế kỉ XX, khi Đức quốc xã ở Châu Âu cũng dùng tướng vạn làm biểu tượng cho chủ nghĩa quân phiệt của mình.

Trên thực tế, chúng ta có thể bắt gặp cả hai dạng chiều xoay của vạn tướng. Căn cứ vào cái bóng của chiều chuyển động chữ thập (+) và của nan hoa bánh xe mà nhiều nhà nghiên cứu thống nhất rằng, hình này là xoay về bên phải, thuận chiều kim đồng hồ còn hình 卐 này thì xoay về bên trái ngược chiều kim đồng hồ.

Một vấn đề nan giải luôn đặt ra là tướng vạn của Phật giáo xoay theo chiều nào là đúng. Đại đa số cho rằng xoay về bên phải là đúng, còn xoay về bên trái là sai. Theo chúng tôi thì tướng vạn 卐 xoay về bên trái mới thật là đúng:

- Theo nghiên cứu của James Churchward thì chữ vạn nguyên thủy là xoay về bên trái 卐 giống như Phật giáo ở Việt Nam sử dụng. Còn chữ vạn 卐 xoay bên phải là sự đổi hướng về sau⁽⁸⁾.

- Người Ấn Độ thời cổ đại từng phân biệt rõ ràng chữ Vạn xoay phải và xoay trái khác nhau. Ấn Độ giáo dùng chữ Vạn xoay về bên trái 卐 để biểu thị các vị thần nam tính và dùng chữ Vạn xoay về bên phải 卐 để biểu thị các vị thần nữ tính⁽⁹⁾. Phật Thích Ca là nam tính, theo chúng tôi thì không có lí do gì người Ấn Độ lại sử dụng tướng vạn xoay về bên phải để

biểu thị thụy tướng cho Đức Phật. Vì vậy, tướng vạn là của Phật giáo phải xoay về trái như thế này 卐 mới đúng.

- Đa số các kinh Phật giáo đều cho rằng tướng vạn xoay về bên phải, như kinh *Hoa Nghiêm* viết: “tóc của Phật xoay về bên phải đượm nhuần trong sáng, biểu trưng hình chữ Vạn” và “nguyện cho tất cả chúng sanh có tóc xoay về bên phải giống như hình chữ Vạn”, “nguyện cho tất cả chúng sanh có bàn tay hình bánh xe, các đốt tay đầy đặn, các đường chỉ xoay về bên phải. Nguyện cho tất cả chúng sanh có những ngón tay như búp sen hình chữ Vạn”. Như thế, nếu khẳng định tướng vạn Phật giáo xoay về bên phải (卐) thì chúng tôi cho rằng có sự nhầm lẫn trong cách hiểu ý nghĩa các đoạn kinh trên. Nói rằng “tóc của Phật xoay về bên phải”, thật khó mà khẳng định xoay về bên phải của Phật hay của người đối diện với Phật, nếu xoay về bên phải thì lại là hình 卐, còn nếu xoay về bên phải của người đứng đối diện với Phật thì lại là hình 卐. Và hai câu: “nguyện cho tất cả chúng sanh có tóc xoay về bên phải” và “nguyện cho tất cả chúng sanh có bàn tay... các đường chỉ xoay về bên phải” cũng vậy. Mặc dù, Đức Phật muốn tất cả chúng sanh có tướng tốt của tóc, của vân tay xoay về bên phải, nhưng chúng ta ai cũng không hiểu rõ Phật nói xoay về bên phải của Phật hay của chúng sanh. Trong trường hợp này, đã không xác định rõ chủ thể cố định thì làm sao có kết luận chính xác.

7. Bài giảng lớp cao học Văn hóa của GS. Trần Ngọc Thêm.

8. Trương Minh Hiền. *Chữ Vạn*, tạp chí *Xưa và Nay*, số 132, 133/2003.

9. Hòa thượng Thích Thánh Nghiêm. *Sđđ.*, tr. 325.

- Lại một nghi vấn khác cho rằng, trong nghi thức đi nhiều tượng, nhiều tháp Phật và Bồ Tát của tín đồ Phật Giáo cũng đi nhiều về phía bên phải, không đi nhiều về phía bên trái. Và trong kinh Dược Sư cũng có đoạn viết: “phải khởi tâm bình đẳng, đủ cả tâm từ, bi, hỷ, xả,... ngợi khen và do phía hữu đi nhiều quanh tượng Phật”⁽¹⁰⁾. Tất cả thể hiện từ dương qua âm, hợp với triết lí đạo Phật là không cầu sinh; triết lí giải thoát khỏi bánh xe nghiệp báo luân hồi sanh tử. Vì vậy, biểu tượng vạn quay thuận chiều kim đồng hồ, tức là ngược với sự biến hóa của vũ trụ, là phù hợp triết lí giải thoát của Phật giáo. Như đã trình bày ở trên thì tướng vạn có trước khi đức Phật xuất hiện và nó là tướng tốt trên thân của những bậc đại nhân không liên quan gì đến giáo lí Phật giáo. Vì vậy, chúng ta không nên đồng nhất chiều xoay của một thụ tướng với triết lí giải thoát của đạo Phật. Hãy để một biểu tượng văn hóa - biểu tượng vạn luôn là một thực thể khách quan.

Ở Trung Hoa, chữ vạn sử dụng không nhiều và có khuynh hướng thiên về chiều thuận kim đồng hồ. Trong cuốn sưu tập tranh *Tượng Phật Trung Quốc*⁽¹¹⁾, chỉ tìm được 9 tượng Phật có hình chữ vạn, trong đó có 6 chữ vạn 卍 và 3 chữ vạn 卐. Điều này giải thích thế nào, khi trong thực tế chữ vạn 卐 chiếm 1/2 so với tổng số (9 chữ), không hiểu rõ Bà Võ Hậu dựa vào đâu mà khâm định chữ vạn 卍 này mới là của Phật giáo. Hay chỉ là sự cảm tính, muốn áp đặt ngược với thực tế để chứng tỏ quyền uy của một Nữ Vương. Mặc dù, thời gian Võ Tắc Thiên sống cách với thời Phật còn tại thế gần hơn chúng ta, nhưng khoảng thời gian hơn 13 thế kỉ cũng không phải là ngắn, hơn nữa, vào thời

của Bà cũng không đủ điều kiện để nghiên cứu kĩ về văn hóa Ấn Độ cũng như những tư liệu về đạo Phật.

Đối với Việt Nam, chúng tôi khẳng định Phật giáo Việt Nam sử dụng biểu tượng vạn 卍 này mới đích thực phù hợp với quy luật tự nhiên, đúng với ý nghĩa thụ tướng trên thân của Phật.

Đúng là chiều xoay của chữ vạn thuận với chiều kim đồng hồ có lẽ là hợp với tự nhiên. Bởi người ta luôn có một quan niệm phổ biến rằng cái gì xoay qua phải, thuận kim đồng hồ là đúng, còn xoay về bên trái, ngược kim đồng hồ là sai. Nhưng chuyển động ngược chiều kim đồng hồ còn tự nhiên hơn, đó là chiều chuyển động đi từ tâm ra mà ta có thể dễ dàng bắt gặp ở từ vật nhỏ như dạng xoáy hoa tay, xoáy tóc trên đầu, đường xoáy trên vỏ ốc... cho đến lớn như chiều chuyển động của vũ trụ. Trong các nghi thức tế thần của các dân tộc ở Đông Nam Á cũng như chiều chuyển động của muôn loài trên tuyệt đại bộ phận các trống đồng Đông Sơn đều theo chiều ngược kim đồng hồ, từ phải sang trái - chiều của sinh thành, của sự sống. Điều này rất phù hợp với ý kiến ở trên, cho rằng, thụ tướng Vạn vốn là tướng của xoáy tóc trên đầu, xoáy lông ở ngực của Phật cũng như của các vị thần Bà la môn. Lịch sử đã chứng minh Đức Phật là một con người có thật, là con của quốc vương Tịnh Phạn (Suddhodana) và Vương Phi Maya. Do đó, về mặt sinh học, các tướng xoáy tóc trên đầu, xoáy lông ở ngực của Phật thì cũng

10. Thích Huyền Dung. *Kinh Dược Sư bốn nguyên công đức*, Nxb Tp. Hồ Chí Minh, 1998, tr. 79.

11. Lý Lược Tam, Huỳnh Ngọc Trảng (biên soạn). *Tượng Phật Trung Quốc*, Nxb. Mỹ thuật, 1996.

phải giống như một con người bình thường có dòng máu màu đỏ, không thể nào khác với quy luật tạo hóa của tự nhiên được. Nghĩa là các tướng xoáy tóc trên đầu, xoáy lông ở ngực của Phật có chiều xoay về bên trái. Có điều Ngài là một Thái tử nên ngay khi mới sinh ra được người khác xem tướng, một ông Phật đã mang lại hạnh phúc cho thế nhân, nên người đời đã cố tình thù ghét và làm quan trọng đến quá mức thực tế. Người bình thường ai mà không có xoáy tóc, có hoa tay?, không có chuyện không phải là bậc đại nhân thì không có các tướng đó.

Cuối cùng, chúng tôi vẫn khẳng định tướng vạn mà Phật giáo Việt Nam sử dụng là có cơ sở tự nhiên, là hợp lí. Đừng lấy hình tượng Trung Hoa mà tự ti về mình, cho rằng tướng vạn (卍) ở Trung Hoa đúng còn ở Việt Nam (卐) là sai. Ở Việt Nam tướng vạn như thế này rất phổ biến không chỉ trên ngực tượng Phật mà còn được dùng để trang trí trên các mặt tiền ngôi chùa. Trong cuốn *Việt Nam danh lam cổ tự* của Võ Văn Tường (Nxb. KHXH, 1992) có tới 21 hình chữ vạn. Trong đó, chữ ngược chiều kim đồng hồ chiếm số lượng áp đảo 19/21, duy chỉ có 2 chữ vạn thuận chiều kim đồng hồ.


Tóm lại, qua những dẫn chứng trên, chúng ta khẳng định rằng tướng vạn của Phật giáo nói chung và Phật giáo Việt Nam nói riêng là tướng xoáy về bên trái, ngược chiều kim đồng hồ, còn tướng vạn xoáy về bên trái thuận chiều kim đồng hồ thì chúng tôi cho đó không phải là tướng vạn của Phật giáo. Khi tìm hiểu biểu tượng vạn, một vấn đề cần thiết phải làm sáng tỏ, đó là kí hiệu nào mà Hitler đã sử dụng trên đảng kì của Đức Quốc Xã, nó có giống với chữ vạn của Phật giáo không?

4. Kí hiệu trên đảng kì của Đức Quốc Xã

Đảng Quốc Xã Đức, do Hitler cầm đầu có tham vọng thống lĩnh thế giới, tự tôn dân tộc mình lên hàng thượng đẳng, cho rằng mình là hậu duệ chính thống của chủng tộc Aryan, một chủng tộc được xem là ưu tú nhất của thời cổ đại. Theo *Bách khoa toàn thư* năm 1976 của Mỹ thì vào khoảng năm 1500 trước Công nguyên, người Aryan đã xâm chiếm vùng Tây Bắc Ấn Độ rồi định cư tại đó và dần dần trở thành dân tộc chủ thể của Ấn Độ. Một nhánh khác của chủng tộc này đã di cư sang xâm chiếm Châu Âu và truyền bá ngôn ngữ của họ ở đây. Nơi nào có dấu chân của chủng người Aryan dẫm lên thì đều có sự hiện diện của phù hiệu chữ Vạn - một biểu tượng cho sự phồn vinh, sáng tạo và đặc biệt là một trong những biểu tượng của "Thánh Vương Chuyển Luân cai trị thiên hạ". Vì vậy, Đảng Quốc Xã Đức đã dùng chữ Vạn làm phù hiệu trên Đảng kì của mình. Đó là một điều không có gì phải ngạc nhiên. Một thuyết khác thì cho rằng, người phương Tây gọi Đảng kì của Đức Quốc Xã là chữ "thập ngoặc" (croix-brisce). Đảng Quốc Xã Đức dùng hai chữ "S" tức là chữ đầu của hai từ "State" (quốc gia) và "Social" (xã hội) đặt chéo nhau ở góc độ nghiêng làm kí hiệu trên Đảng kì với màu đen trên nền trắng, màu của tang tóc và chết chóc (theo phương Tây) và nó cũng xuất hiện từ thập niên 30, 40 của thế kỉ XX mà thôi.

Một thuyết khác nữa cũng cho rằng kí hiệu trên Đảng kì của Đức Quốc Xã Hitler có nguồn gốc từ mẫu tự La tinh, nhưng không phải ngôn ngữ Anh mà là từ ngôn ngữ Đức, phù hiệu mà Hitler sử

dụng bắt nguồn từ chữ trong tiếng Đức “Schutzstaffel” đọc tắt là SS (chỉ quân đội của Đức Quốc Xã) mà Hitler lúc đó rất coi trọng quân đội SS. Một lần viết thư tay, viết tắt chữ này ngẫu nhiên Hitler đã viết 2 chữ S giao nhau, thế là thành hình kí tự “ ” nghiêng và Hitler cảm thấy phù hiệu này có một ý nghĩa thần bí mà không nói ra được. Sau này Hitler lên nắm quyền đã lấy nó làm Đảng kì cho Đức Quốc Xã. Phù hiệu ” nghiêng trong văn hóa Đức Quốc Xã cơ bản tượng trưng cho bạo lực và khủng bố⁽¹²⁾.

Tóm lại, về nguồn gốc đích thực của kí hiệu trên Đảng kì của Đức Quốc Xã mà Hitler đã sử dụng xin nhường lại cho các nhà sử học. Nhưng qua những thuyết trên, chúng ta có thể khẳng định rằng phù hiệu mà Đức Quốc Xã đã sử dụng là hình giống tướng vạn của Phật giáo Việt Nam, nhưng nó đặt trong hình thoi, có dạng nghiêng. Trong khi đó, tướng vạn Phật giáo nằm cân đối trong khung hình vuông , cả hai đều có hướng xoay về bên trái, ngược chiều kim đồng hồ. Do đó, để phân biệt hai biểu tượng này, người ta gọi biểu tượng của Phật giáo là tướng vạn hay chữ “Vạn” như chúng ta quen gọi, còn kí hiệu của Đức Quốc Xã là dấu “thập ngoặc” là màu đen trên nền trắng. Còn theo văn hóa của Ấn Độ thì thụy tướng của Đấng Giác Ngộ mà các nhà tạo tượng Phật giáo áp dụng trang sức trước ngực kim thân Đức Phật thường có màu vàng kim. Chúng ta biết rằng màu vàng là màu tôn quý của Ấn Độ, có nghĩa là đoan trang mang đến vinh hoa, kiết tường. Trong Ngũ hành thì màu vàng là màu biểu trưng cho hành thổ, màu của trung ương, là màu của Đế Vương.

Hơn nữa, khi nhìn vào tướng vạn làm cho người ta dễ sinh tâm hoan hỷ và tôn quý, còn khi nhìn đến dấu “thập ngoặc” lại khiến cho người ta nhớ lại một quá khứ rùng rợn, khủng khiếp. Như quyển *Từ điển Lịch sử Thế giới (Dictionary of World History, Chambers, xuất bản năm 1994, tr. 60)* viết: “Đảng Đức Quốc Xã đã ôm lấy khái niệm phi khoa học về chủng tộc Đức như là một bộ phận tinh túy nhất thuộc chủng tộc Aryan, họ tự cho mình có trách nhiệm với sự tiến bộ của nhân loại”, nhưng kì thực hoàn toàn trái lại.

4. Biểu tượng Vạn 卐 đối với tín đồ Phật giáo Việt Nam

Cùng với giáo lí, các biểu tượng của Phật giáo đã được các nhà truyền giáo mang đến nhiều quốc gia khắp Đông Tây. Đối với biểu tượng 卐, tín đồ ở nhiều nước cũng đều hết sức tôn trọng, xem như báu vật thiêng liêng nhất của tôn giáo mình. Phật giáo đồ Việt Nam chúng ta cũng rất mực sùng kính, luôn xem như vật thiêng, rất “Phật”. Nếu trong điều kiện không có tượng Phật, tín đồ có thể dùng biểu tượng để phụng thờ với lòng kính ngưỡng như có Phật hiện diện.

Tuy nhiên, tín đồ Phật giáo Việt Nam không đẩy sự sùng kính đó đi quá xa đến mức thần thánh hóa biểu tượng 卐. Vì thế, nó không chỉ là đối tượng tôn kính mà còn là vật dùng để trang trí phổ biến ở các chùa, tháp Phật hiện nay.

Khi đặt chân lên trước cổng chùa, chúng ta dễ dàng nhận ra trên cổng,

12. Đoàn Ngọc Minh (dịch). *Hỏi và đáp nghi lễ phong tục dân gian*. Nxb. Văn hóa Thông tin, 1996, tr. 130-131.

tường rào và rất nhiều cửa gió của Phật điện, giảng đường, phòng tăng, v.v... đều có biểu tượng 卐. Sự hiện diện của nó, không chỉ góp phần tô thêm nét đẹp cho ngôi chùa mà nó còn tạo nên ấn tượng cho khách tham quan về một công trình kiến trúc đầy những điều may mắn, tốt lành và rất "Phật". Bước vào Phật Điện, chúng ta lại bắt gặp biểu tượng 卐 ở các bộ thờ chư Phật, chư Bồ Tát, đặc biệt là nơi thờ chính. Ở các bộ thờ đó, người ta không ngần ngại chạm vào biểu tượng này. Một khoảng trống không, phẳng bằng không chút ấn tượng, giờ đây trở nên trang trọng hơn, huyền diệu hơn ở không gian tôn nghiêm nhất, thiêng liêng nhất của một ngôi chùa.

Rồi khi ta chiêm ngưỡng kim thân Đức Phật, ta cũng thấy nó hiển hiện nơi ngực của quý Ngài. Một trang sức đoan trang, thanh nhã làm nổi bật dáng thế uy nghi, từ bi viên mãn của đấng Giác Ngộ. Theo nguyên tắc tiểu tượng học Việt Nam, tượng Phật và Bồ Tát thường tọa ngự trên tòa sen. Cũng vậy, biểu tượng 卐 là mô típ không thể thiếu được nơi ngực của Phật Adidà và Phật Dược Sư. Đó là một trong những mô típ đòi hỏi các nhà tạc tượng phải hết sức tuân thủ khi tạc tượng.

Biểu tượng 卐, ngoài là vật dùng để trang trí phổ biến ở chùa tháp Phật giáo còn được dùng rất nhiều trong nghệ thuật trang trí của người Việt Nam, trên các bức chạm trổ và điêu khắc bằng gỗ hay kim loại, để trang trí bàn ghế, tủ và các đồ dùng nội thất: tứ bình, diềm cửa, tủ thờ, viền các câu đối, v.v... Hơn thế nữa, người phụ nữ dân tộc Mán hiện đang sống trên các đỉnh núi Ba Vì ở 2 bên bờ

sông Đáy, sống tập trung thành các cụm dân cư rải rác trên khắp vùng Thượng du ở núi non xứ Miền Bắc, thường mặc những bộ quần áo bằng vải thô màu xanh dương có mang hàng dài dài những chữ vạn thêu màu đỏ hay trắng⁽¹³⁾. Đây mới là điều kì lạ mà trong chúng ta không khỏi thắc mắc. Liệu việc những người phụ nữ người Mán dùng kí hiệu vạn làm hoa văn cho trang phục của mình có liên quan gì đến tín ngưỡng, tôn giáo hay không?

Tóm lại, biểu tượng 卐 vốn là biểu tượng văn hóa có từ thời xa xưa của chủng người Aryan. Với tính chất tốt lành, cao quý nên biểu tượng 卐 được nhiều tôn giáo cổ Ấn Độ dùng làm thụy tướng cho các vị thần của mình. Đến khi Phật giáo ra đời, Phật giáo đã hấp thụ nét tinh hoa truyền thống và phát triển nó lên thành biểu tượng đặc biệt của mình. Một sự gặp nhau ở tính chất tốt lành, may mắn, phước đức rộng sâu như biển, cao lớn như mây của biểu tượng này với tính chất hòa bình của Phật giáo. Cho nên người đời đã dành riêng biểu tượng này cho Phật giáo. Vì vậy, hiện nay hễ nói đến biểu tượng 卐 là người ta nghĩ ngay đến Phật giáo.

Ở Việt Nam ta, ngoài tinh thần tôn kính, tín đồ Phật giáo còn sử dụng nó làm vật trang trí hết sức phong phú ở các chùa và tháp Phật. Điều đó không có nghĩa là đã hạ thấp giá trị biểu tượng 卐, mà họ tin rằng việc làm đó sẽ mang lại nhiều may mắn, tốt lành./.

13. Trương Minh Hiến. Bđd, tr. 30.